

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LÁK**

Số: 2263/UBND-NC
V/v báo cáo tình hình thực hiện
pháp luật về thanh tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăk Lăk, ngày 09 tháng 4 năm 2015

HÓA TỐC

Kính gửi:

- Giám đốc các Sở, ban, ngành;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số: 781/TTCP-C.II, ngày 08 tháng 4 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố Quyết định thanh tra; theo đó, vào lúc 14 giờ, ngày 14/4/2015 (thứ ba), Đoàn công tác của Thanh tra Chính phủ sẽ tổ chức công bố Quyết định số 775/QĐ-TTCP ngày 07/4/2015 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thanh tra trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Để có cơ sở báo cáo Đoàn công tác của Thanh tra Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp tình hình thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2014 tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo đề cương gửi kèm; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh để tổng hợp chung) **trước 8h00 ngày 13/4/2015**.

2. Giao Chánh Thanh tra tỉnh:

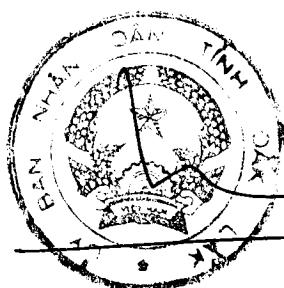
- Dự thảo văn bản, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Đoàn công tác của Thanh tra Chính phủ theo yêu cầu.
- Làm đầu mối liên hệ, bố trí ăn, nghỉ cho Đoàn công tác của Thanh tra Chính phủ trong thời gian Đoàn làm việc tại tỉnh.

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận

- Như trên;
- LĐ UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC. (w. go b).*wd*

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Huỳnh Ngọc Bình

THANH TRA CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 775 /QĐ-TTCP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thanh tra trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk
trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại,
tố cáo và phòng, chống tham nhũng**

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010 và Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013 và Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11/11/2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29/11/2005 và Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 23/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch Thanh tra năm 2015 được ban hành kèm theo Quyết định số 3154/QĐ-TTCP ngày 25/12/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giải quyết Khiếu nại, tố cáo và Thanh tra Khu vực 2 (Cục II) và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Thanh tra Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh tra trách nhiệm của UBND tỉnh Đăk Lăk trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Thời kỳ thanh tra từ 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014 (trường hợp cần thiết có thể xem xét trước hoặc sau thời kỳ trên).

Thời hạn thanh tra là 45 ngày, kể từ ngày công bố Quyết định thanh tra (không tính ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định).

Điều 2. Thành lập Đoàn thanh tra, gồm các ông có tên sau đây:

1. Ông Trần Văn Hồng - Thanh tra viên cao cấp, Phó Cục trưởng Cục II, Thanh tra Chính phủ - Trưởng đoàn;

2. Ông Nguyễn Tất Thành - Thanh tra viên chính, Trưởng phòng Nghiệp vụ 1, Cục II, Thanh tra Chính phủ - Phó Trưởng đoàn;

3. Ông Lê Văn Dũng - Thanh tra viên chính, Cục II, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;

4. Ông Đỗ Thành Tùng - Thanh tra viên chính, Cục II, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;

5. Ông Đỗ Thành Luân - Thanh tra viên, Cục II, Thanh tra Chính phủ - Thành viên.

Điều 3. Đoàn thanh tra có nhiệm vụ thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk và thủ trưởng một số cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra; Luật Tiếp công dân; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Phòng, chống tham nhũng và các quy định của pháp luật.

Giao Cục trưởng Cục Giải quyết Khiếu nại, tố cáo và Thanh tra Khu vực 2 (Cục II) chỉ đạo, theo dõi, trình Tổng Thanh tra Chính phủ xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Đoàn thanh tra.

Điều 4. Chánh Văn phòng; Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ; Cục trưởng Cục II; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp; Vụ trưởng Vụ Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra thuộc Thanh tra Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan và các ông có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Kết*

Nơi nhận: *ph*

- Nhờ Điều 4;
- Phó TTg Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu: VT, Cục II, H.sơ ĐTTra.



TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Số...../.....

Đề cương báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO

**Về tình hình thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo
và Phòng chống tham nhũng từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2014**

Kính gửi : Đoàn thanh tra Chính phủ

(Đề nghị UBND tỉnh báo cáo số liệu tổng hợp chung trên địa bàn toàn tỉnh; UBND huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh và các sở, ban, ngành của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo chi tiết các nội dung theo đề cương này)

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Nêu khái quát đặc điểm và tình hình kinh tế, xã hội có tác động trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và kết quả thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (TTr, TD, GQKN, TC và PCTN) trên địa bàn.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA, TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước

1. Đối với việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để thực hiện pháp luật về TTr, TD, GQKN, TC và PCTN

Các văn bản đã ban hành: Chỉ thị, Nghị Quyết, Kế hoạch, các quyết định và các văn bản hướng dẫn lập danh mục văn bản và sao gửi cho đoàn thanh tra (*theo biểu số 1*). Trong đó, cần phân ra đối với Luật Thanh tra; Luật Tiếp công dân; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Phòng, chống tham nhũng;

2. Công tác học tập, tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Tổng số lần, số lớp, số người tham dự, trong đó phân ra số lần, số lớp đối với Luật Thanh tra, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng (*theo biểu số 2*).

3. Công tác thanh tra trách nhiệm

a) Về việc triển khai các cuộc thanh tra

- Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm đã thực hiện trên kế hoạch hàng năm. Trong đó, Luật Thanh tra; Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng đã thực hiện theo kế hoạch (*theo biểu số 2*).

- Tổng số đơn vị được thanh tra trách nhiệm, trong đó phân ra: Luật Thanh tra, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Tổng số cuộc thanh tra kết thúc, đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra

- Số cá nhân, đơn vị vi phạm được phát hiện qua thanh tra. Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra (những vi phạm về chấp hành phát luật về thanh tra, tiếp

công dân, phát luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; những vi phạm về kinh tế: số tiền, diện tích đất, số lượng GCNQSDĐ vi phạm bị phát hiện; kiến nghị xử lý...)

- Kết quả thực hiện kiến nghị:

+ Xử lý về kinh tế: Tổng tiền, đất đã thu trên tổng tiền, đất phải thu.

+ Xử lý về hành chính: Tổng cá nhân, đơn vị đã xử lý trên tổng cá nhân đơn vị phải xử lý.

+ Xử lý về hình sự: Tổng cá nhân đã xử lý trên tổng cá nhân đã chuyển cho cơ quan điều tra.

4. Việc tổng kết, sơ kết rút kinh nghiệm đối với thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

II. Kết quả thực hiện công tác thanh tra (theo biểu số 3 và 4)

1. Thanh tra hành chính

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đang thực hiện (kỳ trước chuyển sang; triển khai trong kỳ báo cáo);

- Về hình thức (số cuộc: theo kế hoạch, thường xuyên và đột xuất);

- Về tiến độ (số cuộc: kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận).

b) Kết luận thanh tra:

- Phát hiện vi phạm:

+ Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra;

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản được phát hiện có vi phạm;

- Kiến nghị xử lý vi phạm:

+ Xử lý trách nhiệm về kinh tế, xử lý kỷ luật hành chính;

+ Xử lý hình sự: chuyển cơ quan điều tra xử lý;

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Số tiền, tài sản thu hồi, xử lý trong quá trình thanh tra.

c) Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra:

- Số kết luận và quyết định xử lý được kiểm tra trong kỳ báo cáo;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

d) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực:

- Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng;

- Quản lý, sử dụng đất;

- Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách;

- Lĩnh vực khác (nếu có) .

Đối với từng lĩnh vực trên phải nêu rõ: số cuộc thanh tra, số đơn vị được thanh tra, nội dung thanh tra chủ yếu, số đơn vị có vi phạm và các vi phạm điển hình, kiến nghị xử lý (kinh tế, hành chính, hình sự); kết quả xử lý thông qua kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra (kinh tế, hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý).

- Kết quả thanh tra lại;
- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): nêu tóm tắt kết quả tổ chức, thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

2. Thanh tra chuyên ngành

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đang thực hiện (số cuộc có thành lập đoàn, số cuộc thanh tra độc lập, số cuộc thanh tra lại);
 - Số đối tượng được thanh tra (cá nhân, tổ chức);
 - Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu.

b) Kết quả thanh tra:

- Số cá nhân, tổ chức vi phạm;
- Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra;
- Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành; tổng số tiền vi phạm; số tiền xử lý tài sản vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi; số tiền xử phạt vi phạm, số giấy phép thu hồi, bãi bỏ...;
- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

4. Đánh giá, nhận xét

a) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra (về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, thanh tra trách nhiệm; về thanh tra đột xuất, thanh tra lại; về đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan).

b) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra:

- + Việc rà soát, chỉnh sửa, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra;
- + Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra;
- + Về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra;
- + Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, nhân viên thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có);

c) Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra;

d) Nguyên nhân của những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm (chủ quan,

khách quan) và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác thanh tra.

III. Thực hiện pháp luật về tiếp công dân (theo biểu số 5 và 6)

1. Việc triển khai, thực hiện Nghị định 89/CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân, Đề án đổi mới công tác tiếp dân ban hành kèm theo Quyết định 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Tiếp công dân có hiệu lực từ 01/7/2014.

2. Kết quả tiếp dân thường xuyên tại Trụ sở, tiếp dân định kỳ theo quy định và tiếp dân đột xuất của lãnh đạo qua các năm của trong kỳ thanh tra (báo cáo rõ các chỉ tiêu: Tổng số lượt, người, số vụ; tổng số đoàn đông người, số vụ. và được phân ra khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Nội dung chủ yếu dẫn đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại hành chính, tư pháp, chính trị, văn hóa xã hội, tố cáo tham nhũng).

3. Tổng số lần tiếp dân định kỳ, đột xuất của lãnh đạo theo quy định trong kỳ báo cáo; tổng số lần tiếp dân thực tế theo định kỳ, đột xuất của lãnh đạo trong kỳ báo cáo (cụ thể, số lần tiếp dân, số vụ tiếp dân, số đoàn đông người được tiếp, số vụ của đoàn đông người). Hiệu quả tiếp dân của người đứng đầu (Bí thư, chủ tịch UBND...), những khó khăn và biện pháp đề xuất khắc phục.

4. Báo cáo kết quả tiếp nhận, phân loại đơn: Tổng số đơn nhận được trong kỳ và kỳ trước chuyển sang, trong đó đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là bao nhiêu, đơn chưa được giải quyết, đơn đã giải quyết lần đầu, đơn đã giải quyết từ lần 2 trở lên là bao nhiêu, đơn đủ điều kiện và thuộc thẩm quyền phải giải quyết, đơn không đủ điều kiện và không thuộc thẩm quyền là bao nhiêu, đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại hành chính, tư pháp, chính trị, văn hóa xã hội, tố cáo tham nhũng...

Kết quả xử lý đơn: Tổng số đơn đã chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết và cơ quan giải quyết đã có quyết định hoặc văn bản khác thông báo đến Trụ sở tiếp dân biết theo quy định; tổng số giải thích, hướng dẫn và trả đơn lại cho công dân, tổng số đơn lưu do mạo danh, nặc danh, không địa chỉ.

5. Nhận xét, đánh giá và những đề xuất và kiến nghị;

- Trụ sở tiếp có trang thiết bị, vật chất và các điều kiện khác phục vụ cho Trụ sở tiếp dân, những khó khăn và đề xuất.

- Báo cáo kết quả việc ban hành các nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân, các niêm yết khác (quyền, nghĩa vụ của công dân...) phục vụ cho công tác tiếp dân; các thiếu sót về các nội quy, quy chế và các quy định cần niêm yết, hướng khắc phục của Trụ sở (nếu có).

- Số lượng, chất lượng và phân công cán bộ tiếp dân hiện nay, những khó khăn và đề xuất.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp dân, những khó khăn và đề xuất.

IV. Kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo (theo biểu số 7,8, 9 và 10)

1. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

a) Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn khiếu nại nhận được; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết (thông qua giải thích, thuyết phục; giải quyết bằng quyết định hành chính); số vụ việc giải quyết lần 1, lần 2 và trên 2 lần.

- Kết quả giải quyết: số vụ việc khiếu nại đúng, số vụ việc khiếu nại sai, số vụ việc khiếu nại đúng một phần; tổng số tiền, đất (tài sản) kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết khiếu nại (kiến nghị xử lý hành chính, kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xử lý); chấp hành thời hạn giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong).

- Kết quả thực hiện kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

b) Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn tố cáo nhận được; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết;

- Kết quả giải quyết: số vụ việc tố cáo đúng, số vụ việc tố cáo sai, số vụ việc tố cáo đúng một phần; tổng số tiền, đất, tài sản kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết tố cáo (hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý); việc chấp hành thời gian giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo (tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong);

- Kết quả thực hiện quyết định xử lý tố cáo (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

c) Báo cáo kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo theo các vụ việc sau:

- Kết quả thực hiện việc xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, đông người, phức tạp theo Kế hoạch 1130/KH-TTCP của Thanh tra Chính phủ: Tổng số vụ việc phải thực hiện, số vụ việc đã thông báo chấm dứt khiếu nại (trong đó nêu rõ số vụ việc đã thông báo chấm dứt mà người dân còn khiếu nại và không còn khiếu nại), đánh giá nguyên nhân, mặt được và chưa được, biện pháp khắc phục.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch 2100/KH-TTCP của Thanh tra Chính phủ: Tổng số vụ việc phải thực hiện, số vụ việc đã thông báo chấm dứt khiếu nại (trong đó nêu rõ số vụ việc đã thông báo chấm dứt mà người dân còn khiếu nại và không còn khiếu nại), đánh giá nguyên nhân, mặt được và chưa được, biện pháp khắc phục.

- Kết quả việc thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch UBND tỉnh sau khi có báo cáo kết luận của Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh: Tổng số vụ việc phải thực hiện, số vụ việc đã thực hiện và có báo cáo kết quả thực hiện, số vụ việc chưa thực hiện, đánh giá nguyên nhân các mặt được và chưa được, biện pháp khắc phục.

- Kết quả thực hiện kiểm tra, rà soát và trả lời các vụ việc khiếu nại, tố cáo do Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan Trung ương (Chủ tịch nước, các cơ quan như Quốc hội, các ban Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc, ...) có văn bản chuyển đến UBND tỉnh để giải

quyết theo thẩm quyền; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố đối với các vụ việc do UBND tỉnh chuyển đến. Cần nêu rõ tổng số vụ việc đã tiếp nhận phải thực hiện, số vụ việc đã thực hiện và có báo cáo kết quả thực hiện, số vụ việc chưa thực hiện, đánh giá nguyên nhân các mặt được và chưa được, biện pháp khắc phục.

2. Đánh giá tình hình khiếu nại, tố cáo

a) Nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo.

b) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

+ Việc rà soát, chỉnh sửa, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo; việc ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện;

+ Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

+ Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nội dung khác có liên quan.

d) Nguyên nhân những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

V. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng (theo biểu số 11, 12 và 13)

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của địa phương

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

d) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Việc triển khai thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các qui định của pháp luật về Phòng chống tham nhũng. Tập trung nêu rõ việc thực hiện các qui định về phòng ngừa tham nhũng hàng năm theo các nội dung sau:

- Việc xây dựng, ban hành, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;
- Việc thực hiện qui tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức viên chức;
- Việc thực hiện cải cách hành chính;
- Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ công chức viên chức;
- Việc tặng quà, nhận quà tặng và nộp lại quà tặng (theo quyết định 64/2007/QĐ-TTg)
- Việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập;
- Việc công khai, minh bạch trong việc mua sắm công, trong đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Việc công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng đất;
- Việc công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách;
- Việc công khai, minh bạch trong công tác Tổ chức - cán bộ;
- Việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Việc xử lý tin báo, giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng, việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

- a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương;
- b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;
- c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương;
- đ) Kết quả xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;
- e) Kết quả thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý, các kết quả thanh tra, kiểm toán;
- g) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Đánh giá tình hình tham nhũng, công tác phòng chống tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng

- Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của địa phương và nguyên nhân.

- So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

b) Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

- Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

- So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.
- Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;
- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng;

Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

1. Ưu điểm

Lưu ý đến vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quan tâm, chỉ đạo và tổ chức thực hiện về Luật Thanh tra, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng, lưu ý vai trò và trách nhiệm của công tác thanh tra trong việc tăng cường pháp chế, trật tự kỷ cương, tham mưu, giải quyết các điểm nóng, ổn định tình hình...

2. Khuyết điểm, hạn chế.

Lưu ý đến tình hình khiếu nại, tố cáo tồn đọng, chậm giải quyết theo thẩm quyền, thực hiện xử lý sau thanh tra chưa nghiêm, chưa đổi mới tốt trong quá trình giải quyết, thiếu công khai minh bạch, xử lý vi phạm chưa nghiêm, tự phát hiện tham nhũng...

3. Nguyên nhân

Nêu rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan như: Do lịch sử, do cơ chế chính sách..., chú ý đến thái độ và trách nhiệm của cấp tham mưu, của người có thẩm quyền; thực hiện sai quy trình, chưa sâu sát, đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm ...

4. Kiến nghị

Chú ý đến các quy định không phù hợp, biện pháp tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, người có thẩm quyền, các chế tài thực hiện các kết luận sau thanh tra, biện pháp nâng cao hiệu lực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân, phòng chống tham nhũng, biện pháp xử lý người có thẩm quyền không xử lý đúng pháp luật đối với các kết luận và kiến nghị thanh tra....

5. Các ý kiến khác (nếu có)

Noi nhận:

- Như trên;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHÍ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NN VỀ
THANH TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHÜNG VÀ TIẾP CÔNG DÂN**

Số TT	Văn bản ban hành		Trích yếu nội dung văn bản	Ngày hiệu lực thi hành	Ngày hết hiệu lực	Ghi chú		
	Số văn bản, ngày tháng năm ban hành	Cấp ban hành						
1	2	3	4	5	6	7		
I/ Đối với công tác Thanh tra								
1								
2								
”								
II/ Đối với công tác giải quyết Khiếu nại								
1								
2								
”								
III/ Đối với công tác Tố cáo								
1								
2								
”								
IV/ Đối với công tác phòng chống tham nhũng								
1								
2								
”								
V/ Đối với công tác tiếp công dân								
1								
2								
”								

..., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý

- Đối với việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thanh tra trách nhiệm về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng nếu thực hiện ghép 2, hoặc 3 nội dung (thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng) thì chỉ thống kê 01 lần ở cột (5), (6), (đối với tập huấn, tuyên truyền, phổ biến) và ở cột (9) và (10), (đối với thanh tra, kiểm tra trách nhiệm), sau đó giải thích ở phần ghi chú.

- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Tổng vi phạm	Kiến nghị thu hồi	Kiến nghị khác	Kiến nghị xử lý			Đã thu		Kiểm tra, dồn dốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra							Ghi chú						
	Tổng số	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ				Tiền (hoặc tài sản quy thành tiền)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổng số KLTT và QĐ	Kết quả kiểm tra, dồn dốc								
		Ký trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận			Tô chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Tô chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Phải thu	Đã thu	Phải thu	Đã thu	Tô chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng						
	MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Tổng																															

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (10) = (12) + (14)
- Cột (11) = (13) + (15)
- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
- Cột 20, 21 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, dồn dốc xử lý sau thanh tra
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Biểu số 4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vi	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Kết quả												Ghi chú							
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập	Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu							
				Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Tích thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức					
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
Tổng																											

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (17) áp dụng cho các địa phương, thanh tra ngành Thuế và một số Bộ, ngành có tính chất đặc thù (như Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội; Bộ Giao thông vận tải...)
- Cột (21) là giá trị tài sản tịch thu sau khi đã xử lý nộp về ngân sách
- Cột (24), (25), (26) là số tiền đã thu từ kết quả kiến nghị thu hồi từ Cột 17 + Số tiền tài sản vi phạm đã xử lý từ Cột 18 + Số tiền xử phạt vi phạm đã thu từ Cột 21
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Σκυν ψ:

- Đối với việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thanh tra trách nhiệm về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng nếu thực hiện ghép 2, hoặc 3 nội dung (thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng) thì chỉ thống kê 01 lần ở cột (5), (6), (đối với tập huấn, tuyên truyền, phổ biến) và ở cột (9) và (10), (đối với thanh tra, kiểm tra trách nhiệm), sau đó giải thích ở phần ghi chú.
 - Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHÜNG PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC CỦA NGÀNH THANH TRA

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị phát hiện	Số vụ	Số người	Tài sản tham nhüng				Kiến nghị thu hồi				Đã thu				Kiến nghị xử lý				Kết quả xử lý				Xử lý trách nhiệm người đứng đầu	Ghi chú			
			Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất (m ²)	Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền) Trđ	Đất (m ²)	Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất (m ²)	Hành chính	Chuyển cơ quan điều tra	Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố	Vụ	Đối tượng	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Kiến nghị	Đã xử lý	
MS	1	2	3=4+5	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
Tổng																											

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột "đơn vị phát hiện" ghi cụ thể tên đơn vị phát hiện tham nhüng
- Nếu cột 23 có nội dung trùng cột 16, 18; cột 24 có nội dung trùng cột 20, 22 thì cần ghi chú và giải thích.

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Thực trạng cán bộ công chức trong kỳ báo cáo						Biến động trong kỳ báo cáo (số CBCC)						Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra						Đào tạo lý luận chính trị	Đào tạo khác (ngoại ngữ, tin học, trên đại học)	Ghi chú			
	Tổng số	Trong đó					Tiếp nhận, tuyển dụng	Nghi hưu, chuyển công tác	Bồ nhiệm chức vụ lãnh đạo	Bồ nhiệm vào ngạch, nâng ngạch	Chuyển đổi vị trí công tác	Vi phạm kỷ luật	Tổng số	Trong đó										
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Số CB, CC, VC trong biên chế	Số lao động hợp đồng							Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Tổng																								

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Biểu này chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo tổng kết năm.
- Cột (14) = Cột (16) + Cột (18) + Cột (20)
- Cột (15) = Cột (17) + Cột (19) + Cột (21)
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê công tác xây dựng lực lượng ở các đơn vị trực thuộc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo								Nội dung tiếp công dân (số vụ việc)								Kết quả qua tiếp dân (số vụ việc)			Ghi chú			
			Vụ việc		Đoàn đông người						Vụ việc		Đoàn đông người				Khiếu nại				Tố cáo				Phản ánh, kiến nghị, khác	Đã được giải quyết					
			Cũ	Mới phát sinh	Sô đoàn	Người	Cũ	Mới phát sinh			Cũ	Mới phát sinh	Sô đoàn	Người	Cũ	Mới phát sinh	Về tranh chấp, đòi đất cũ, đất bù, giải tỏa...	Về chính sách	Về nhà, tài sản	Về chế độ CC, VC	Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực CT, VH, XH khác	Lĩnh vực hình chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Chưa được giải quyết	Đã có QĐ giải quyết (lần 1, 2, cuối cùng)	Đã có bản án của Tòa			
	Lượt	Người	Cũ	Mới phát sinh	Sô đoàn	Người	Cũ	Mới phát sinh	Lượt	Người	Cũ	Mới phát sinh	Sô đoàn	Người	Cũ	Mới phát sinh	Về tranh chấp, đòi đất cũ, đất bù, giải tỏa...	Về chính sách	Về nhà, tài sản	Về chế độ CC, VC	Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực CT, VH, XH khác	Lĩnh vực hình chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Chưa được giải quyết	Đã có QĐ giải quyết (lần 1, 2, cuối cùng)	Đã có bản án của Tòa			
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Tổng																															

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Số liệu đã thống kê ở các cột từ cột 1 đến cột 8 thì không thống kê lại vào các cột từ cột 9 đến cột 16
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị	Tiếp nhận					Phân loại đơn khiếu nại, tố cáo (số đơn)																		Đơn khác (kiến nghị, phản ánh, đơn nặc danh)	Kết quả xử lý đơn khiếu nại, tố cáo				Ghi chú				
	Đơn số đơn	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Đơn ký trước chuyển sang			Đơn đủ điều kiện xử lý	Theo nội dung												Theo thẩm quyền giải quyết			Theo trình tự giải quyết											
			Khiếu nại		Tố cáo										Cùa các cơ quan	Cùa cơ quan	Cùa	Đã	Đã														
			Lĩnh vực hành chính		Tổng	Liên quan đến đất đai	Về nhà, tài sản	Về chính sách, chế độ CC, VC	Lĩnh vực CT, VH, XH	Lĩnh vực tư pháp	Về Đảng	Tổng	Lĩnh vực hành chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Về Đảng	Lĩnh vực khác	Cùa các cơ quan	Cùa cơ quan	Cùa	Đã	Đã											
			Tổng	Đơn có nhiều người	Đơn có nhiều người	Đơn một người	Đơn một người	Đơn	Đơn	Đơn	Đơn	Tổng	Đơn	Đơn	Đơn	Đơn	Đơn	Cùa các cơ quan	Cùa cơ quan	Cùa	Đã	Đã											
MS	1= 2+3 +4+5	2	3	4	5	6	7= 8+9+ 10+11	8	9	10	11	12	13	14= 15+16 + 17+18 +19	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
Tổng																																	

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Tổng đơn cột số (7) + cột (14) = Tổng số đơn từ cột (20) đến cột (22) = Tổng số đơn từ cột (23) đến cột (25)
- Cột (6) dù điều kiện xử lý là loại đơn không trùng lặp, có danh và rõ nội dung, địa chỉ
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIÉU NAI

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Luu Vy

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
 - Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Kết quả giải quyết												Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo				Ghi chú											
	Trong đó			Đã giải quyết		Phân tích kết quả (vụ việc)		Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho công dân		Số người	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố		Tổng số quyết định phải	Đã	Thu hồi cho nhà nước		Trả lại cho công dân												
	Tổng số đơn tố cáo	Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỵ trước chuyển sang	Tổng số vụ việc	Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc	Tổng số cáo	Tổng số cáo đúng sai	Tổng số một phần	Tiền (Trđ)	Đát (m ²)	Tiền (Trđ)	Đát (m ²)	Số người	Tổng số người	Số vụ việc	Tổng số vụ việc	Số đối tượng đã bị xử lý	Số đối tượng đã bị khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố	Số vụ việc giải quyết	Số vụ việc giải quyết	Phải thu	Đã thu	Phải trả	Đã trả							
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
Tổng																																	

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHIÉU NẠI, TÓ CÁO

(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác KNTC		Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về KNTC cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm				Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý				Ghi chú				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Pháp luật về KNTC		Thực hiện pháp luật về KNTC		Số đơn vị vi phạm	Kiến nghị xử lý		Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm	Kết quả kiểm tra						
			Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị		Kiểm điểm, rút kinh nghiệm	Hành chính		Tỷ lệ	Cá nhân	Đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm	Đã xử lý hành chính			
								Tỷ lệ	Cá nhân								
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																	

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ CÁC VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TÓ CÁO DO CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
UBND THÀNH PHỐ, TRỤ SỞ TIẾP DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN THƯ CHUYỂN ĐỀN**
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

Số	Tên vụ việc (Họ tên, địa chỉ người khiếu nại)	Nội dung vụ việc	Văn bản chỉ đạo của các cơ quan Trung ương, UBND Thành phố				Kết quả thực hiện								Ghi chú
			Cơ quan chỉ đạo	Số, ngày văn bản chỉ đạo	Nội dung chỉ đạo, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Cơ quan nhận được chỉ đạo (UBND Thành phố; các sở, ngành; quận, huyện)	Đã giải quyết (Áp dụng cho UBND Thành phố giải quyết theo thẩm quyền)	Số vụ việc chuyên cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tham mưu giải quyết	Số vụ việc đã chuyển cho các sở, ngành giải quyết theo thẩm quyền	UBND Thành phố đã chuyển cho các quận, huyện giải quyết theo thẩm quyền	Số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I. Các văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ tướng Chính phủ															
II. Các văn bản của Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành chuyển đến.															
III. Các văn bản của Chủ tịch nước, Quốc hội, các ban Đảng chuyển đến.															
IV. Các văn bản chỉ đạo chuyển vụ việc của UBND Thành phố cho các sở, ngành, quận huyện															

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHÜNG
 (Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU				
			2011	2012	2013	2014	Tổng số
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT						
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản					
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản					
	TUYÊN TRUYỀN, PHÓ BIÉN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN						
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người					
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp					
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu					
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHÜNG						
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>						
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV					
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV					
	Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn						
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản					
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản					
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc					
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ					
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người					
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người					
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người					
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng					

16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng					
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người					
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng					
Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức							
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV					
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người					
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người					
Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập							
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người					
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người					
Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng							
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người					
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người					
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người					
Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán							
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV					
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%					
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHÜNG							
Qua việc tự kiểm tra nội bộ							
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ					
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người					
Qua hoạt động thanh tra							
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ					
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người					
Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo							
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn					
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn					

35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ				
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người				
Qua điều tra tội phạm						
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ				
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người				
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHÜNG						
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ				
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người				
41	Trong đó:					
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người				
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người				
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người				
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người				
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ				
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người				
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ				
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người				
Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được						
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng				
50	+ Đất đai	m ²				
Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường						
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng				
52	+ Đất đai	m ²				
Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được						
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng				

54	+ Đất đai <i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>	m ²						
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người						
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người						
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ							
	+ Tặng Bằng khích lệ của Bộ, ngành, địa phương							
	+ Tặng Giấy khen							

.../.../...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn.
- Lưu ý khi báo cáo không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHƯNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
 (Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2014)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức,	Cơ quan thụ lý, giải quyết	Tổm số tết nết dùng vụ việc	Vụ việc				
1									
2									
...									

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VI
 ... , ngày tháng năm
 (ký tên, đóng dấu)

THANH TRA CHÍNH PHỦ
ĐOÀN THANH TRA
Theo QĐ số 775/QĐ-TTCP ngày 07/4/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

LỊCH LÀM VIỆC
(từ ngày 14/4/2015 đến ngày 24/4/2015)

Thời gian	Tên cơ quan, Đơn vị	Nội dung	Thành phần	Địa điểm
Thứ ba, ngày 14/4/2015	UBND tỉnh Đăk Lăk	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố Quyết định thanh tra số 775/QĐ-TTCP ngày 7/4/2015 của Tổng Thanh tra Chính phủ thanh tra trách nhiệm của UBND tỉnh Đăk Lăk trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; - Thông báo lịch làm việc với các cơ quan. 	Theo Văn bản số 781/TTCP-CII ngày 08/4/2015 của Thanh tra Chính phủ	Trụ sở UBND tỉnh Đăk Lăk
Thứ tư, ngày 15/4/2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư (sáng)	<ul style="list-style-type: none"> - Theo đề cương đã gửi cho Sở Kế hoạch Đầu tư; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn thanh tra; - Giám đốc Sở và các phòng, ban, cá nhân có liên quan. 	Trụ sở Sở Kế hoạch Đầu tư
	Thanh tra tỉnh (chiều)	<ul style="list-style-type: none"> - Theo đề cương đã gửi cho Thanh tra tỉnh; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn thanh tra; - Chánh Thanh tra tỉnh và các phòng, ban, cá nhân có liên quan. 	Trụ sở Thanh tra tỉnh
Thứ năm, ngày 16/4/2015	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Theo đề cương đã gửi cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn thanh tra; - Giám đốc Sở và các phòng, ban, cá nhân có liên quan. 	Trụ sở Sở NN&PTNT
Thứ sáu, ngày 17/4/2015	Sở Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Theo đề cương đã gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn thanh tra; - Giám đốc Sở và các phòng, ban, cá nhân có liên quan. 	Trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường
Thứ hai, ngày 20/4/2015	Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Theo đề cương đã gửi cho Sở Y tế; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn thanh tra; - Giám đốc Sở và các phòng, ban, cá nhân có liên quan. 	Trụ sở Sở Y tế

Thứ ba, ngày 21/4/2015	Sở Giao thông Vận tải	- Theo đề cương đã gửi cho Sở Giao thông Vận tải; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra.	- Đoàn thanh tra; - Giám đốc Sở và các phòng, ban, cá nhân có liên quan.	Trụ sở Sở Giao thông Vận tải
Thứ tư, ngày 22/4/2015	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	- Theo đề cương đã gửi cho UBND thành phố Buôn Ma Thuột; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra.	- Đoàn thanh tra; - Chủ tịch UBND thành phố và các phòng, ban, cá nhân có liên quan.	Trụ sở UBND thành phố Buôn Ma Thuột
Thứ năm, ngày 23/4/2015	UBND huyện Cư M'gar	- Theo đề cương đã gửi cho UBND huyện Cư M'gar; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra.	- Đoàn thanh tra; - Chủ tịch UBND huyện và các phòng, ban, cá nhân có liên quan.	Trụ sở UBND huyện Cư M'gar
Thứ sáu, ngày 24/4/2015	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	- Theo đề cương đã gửi cho Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; - Thu thập tài liệu liên quan tới cuộc thanh tra.	- Đoàn thanh tra; - Giám đốc Sở và các phòng, ban, cá nhân có liên quan.	Trụ sở Sở Văn hóa thể thao và Du lịch

Ghi chú:

- Giờ làm việc: Sáng bắt đầu từ 8h00, chiều từ 14h00;
- Lịch làm việc có thể thay đổi, khi có thay đổi Đoàn thanh tra sẽ thông báo.

Đề nghị UBND tỉnh Đăk Lăk thông báo Lịch làm việc của Đoàn thanh tra đến các cơ quan, đơn vị trên, yêu cầu chuẩn bị báo cáo bằng văn bản, bộ trí cán bộ và hồ sơ, tài liệu để làm việc với Đoàn thanh tra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu Hồ sơ Đoàn TTra.

TRƯỞNG ĐOÀN


Trần Văn Hồng